

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 96/2023/DS-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2020, bản tự khai ngày 10/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị T trình bày:

Ngày 25/9/2019 bà có cho bà Lê Thị H mượn số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, bà H hứa trong thời hạn 03 tháng sẽ hoàn trả lại cho bà. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ. Bà đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà H trả tiền nhưng đến nay bà H vẫn chưa thực hiện cam kết trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Lê Thị H hoàn trả cho bà số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Bị đơn là bà Lê Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 25/9/2019, biên bản hòa giải tại Văn phòng ban nhân dân ấp M, xã X, huyện H ngày 28/5/2020, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc phía bị đơn là bà Lê Thị H trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là bà Hồ Thị T có đơn khởi kiện đối với bà Lê Thị H để yêu cầu trả nợ tiền vay. Bà Lê Thị H cư trú tại ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành

phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về pháp luật nội dung được áp dụng*: Bà Hồ Thị T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị H. Hợp đồng vay tài sản được giao kết ngày 25/9/2019, đây là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Vì vậy, căn cứ Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên.

[4]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy*:

[4.1]. Giấy mượn tiền đề ngày 25/9/2019 giữa bà Hồ Thị T với bà Lê Thị H phù hợp về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, dựa trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp lý đối với các bên.

[4.2]. Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên xác định thời hạn, không thỏa thuận lãi suất. Căn cứ Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi.

[4.3]. Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 25/9/2019 có chữ ký, lấn tay của bà H, theo nội dung giấy mượn tiền trên thì bà H xác nhận có vay của bà T 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong biên bản hòa giải tại Văn phòng ban nhân dân ấp M, xã X ngày 28/5/2020 bà H cũng xác nhận số tiền bà vay của bà T là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và xin trả nợ mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng vào ngày mùng một hàng tháng. Do đó, có đủ căn cứ xác định ngày 25/9/2019 bà H có vay của bà T số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

[4.4]. Theo nội dung hợp đồng vay ký ngày 25/9/2019 thì trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày vay bà H có nghĩa vụ trả số nợ đã vay cho bà T nhưng đến hạn bà H không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tại biên bản hòa giải tại Văn phòng ban nhân dân ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/5/2020 bà H xin trả nợ mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng vào ngày mùng một hàng tháng và được bà T chấp thuận nhưng từ đó đến nay bà H cũng chưa trả cho bà T một khoản nào. Việc bà H không trả nợ vay cho bà T là đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ vay là có căn cứ.

[4.5]. Bà H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp

tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy bà H đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[4.6]. Trên cơ sở phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng theo hợp đồng ký ngày 25/9/2019.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1]. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

[5.2]. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. *Về kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị T đối với bị đơn là bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị T số tiền đã vay là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng theo hợp đồng ký ngày 25/9/2019.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hồ Thị T 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0077082 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy